

*

**KẾT QUẢ BÌNH QUÂN ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH B150**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	KHỐI I	KHỐI II	KHỐI III	BÌNH QUÂN	GHI CHÚ
1	1	Lê Phước An	1983	7.00	7.50	8.00	7.50	
2	2	Trần Ngọc Phương Anh	1984	7.50	7.75	8.50	7.92	
3	3	Nguyễn Kim Anh	1977	8.00	7.50	8.00	7.83	
4	4	Lê Thị Tuyết Anh	1984	8.00	6.25	7.50	7.25	
5	5	Trần Thị Đào	1985	7.50	7.75	8.50	7.92	
6	6	Nguyễn Tấn Đạt	1982	7.50	8.00	8.00	7.83	
7	7	Trần Văn Điền	1967	7.50	8.25	7.00	7.58	
8	8	Cao Văn Đủ	1985	6.00	8.00	6.00	6.67	
9	9	Nguyễn Việt Dũng	1971	8.00	7.75	8.50	8.08	
10	10	Trần Ngọc Giải	1983	8.00	7.75	8.50	8.08	
11	11	Nguyễn Thị Ngọc Hà	1986	5.00	7.00	8.00	6.67	
12	12	Hồ Minh Hải	1984	6.50	7.00	8.00	7.17	
13	13	La Thị Thúy Hằng	1980	8.00	7.50	8.00	7.83	
14	14	Nguyễn Kim Hằng	1981	7.00	7.50	5.50	6.67	
15	15	Nguyễn Thanh Hào	1982	7.00	7.50	7.50	7.33	
16	16	Trần Thị Ngọc Hòa	1974	7.50	8.00	8.00	7.83	
17	17	Phạm Thị Hoàng	1983	6.00	6.50	5.50	6.00	
18	18	Huỳnh Tuyền Khanh	1985	7.00	7.50	8.00	7.50	
19	19	Nguyễn Hoàng Khoa	1984	6.00	7.00	7.75	6.92	
20	20	Dương Chí Khuynh	1965	7.00	7.00	7.00	7.00	
21	21	Lê Hữu Kiên	1985	7.50	7.50	7.50	7.50	
22	22	Trần Thị Phương Lan	1987	7.50	8.00	8.00	7.83	
23	23	Nguyễn Thành Lập	1980	7.00	7.50	7.75	7.42	
24	24	Bùi Duy Lễ	1984	7.50	7.00	7.50	7.33	
25	25	Lê Lý Hạ Liên	1978	8.50	7.50	7.00	7.67	
26	26	Trần Nhật Linh	1979	7.00	7.00	8.00	7.33	
27	27	Trần Vũ Linh	1984	6.50	7.50	8.00	7.33	
28	28	Ngô Thị Kiều Loan	1986	7.50	8.00	8.00	7.83	
29	29	Nguyễn Thị Kim Loan	1987	6.50	7.25	7.50	7.08	
30	30	Phạm Hoàng Nam	1985	6.50	7.75	7.00	7.08	
31	31	Trần Thị Kim Ngân	1977	6.50	8.00	7.25	7.25	
32	32	Trần Văn Nghe	1966	7.50	8.00	7.00	7.50	
33	33	Bùi Thanh Nghị	1985	7.00	7.50	7.50	7.33	
34	34	Đào Thanh Ngọc	1987	7.50	7.00	7.50	7.33	
35	35	Lâm Thị Ngọc	1983	7.50	7.50	8.00	7.67	
36	36	Phạm Nguyễn Thảo Nguyên	1985	8.00	8.00	6.50	7.50	
37	37	Bùi Tòng Nguyên	1979	8.00	7.50	8.00	7.83	
38	38	Võ Thị Trúc Pha	1988	6.50	7.50	7.50	7.17	
39	39	Huỳnh Thị Mai Phan	1984	7.50	7.50	8.00	7.67	
40	40	Trần Quang Phú	1981	7.50	7.50	7.50	7.50	

41	41	Vanh Phi	Run	1975	7.50	7.00	8.00	7.50	
42	42	Lê Hữu	Tâm	1977	7.50	7.50	8.50	7.83	
43	43	Lương Thị Thanh	Tâm	1981	7.50	7.00	6.50	7.00	
44	44	Lê Minh	Thà	1985	6.50	7.00	7.50	7.00	
45	45	Ngô Đức	Thái	1972	7.00	7.50	7.50	7.33	
46	46	Nguyễn Vinh	Thanh	1972	7.00	7.50	6.00	6.83	
47	47	Nguyễn Phước	Thiện	1984	6.50	6.50	6.00	6.33	
48	48	Nguyễn Thị	Thơ	1985	8.00	8.00	8.00	8.00	
49	49	Võ Thị Ngọc	Thúy	1973	7.00	7.75	8.00	7.58	
50	50	Nguyễn Thị Phương	Thùy	1979	7.00	7.50	6.00	6.83	
51	51	Nguyễn Hồng Bảo	Trần	1983	7.00	7.50	7.50	7.33	
52	52	Đỗ Đức	Trí	1971	6.00	7.25	7.50	6.92	
53	53	Bùi Thị Thanh	Trúc	1979	8.00	7.25	7.00	7.42	
54	54	Nguyễn Văn	Tuấn	1984	6.00	6.50	8.00	6.83	
55	55	Lưu Minh	Tuấn	1982	6.50	7.00	7.50	7.00	
56	56	Nguyễn Lễ Trường	Tường	1984	5.50	6.75	7.00	6.42	
57	57	Đỗ Thị Tú	Vân	1973	8.50	7.00	7.00	7.50	
58	58	Nguyễn Đình	Vũ	1976	7.50	7.25	8.00	7.58	
59	59	Đoàn Xuân	Vũ	1972	5.00	7.25	8.00	6.75	
60	60	Trần Văn	Vừa	1972	7.00	7.00	7.00	7.00	
61	61	Lý Thị	Xinh	1970	8.00	7.75	8.50	8.08	

* Tổng số bài thi:	61	Giỏi	4
- Số bài đạt:	61	Khá	45
- Số không đạt:		TB	12

THƯ KÝ



Nguyễn Hải Quân

K/T CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thành Nhân

TỈNH ỦY AN GIANG
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TÔN ĐỨC THẮNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

An Giang, ngày 29 tháng 12 năm 2022

*

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH B150
KHOẢ KIẾN THỨC I

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
1	1	Lê Phước An	1983	7.00	T31	
2	2	Trần Ngọc Phương Anh	1984	7.50	T32	
3	3	Nguyễn Kim Anh	1977	8.00	T33	
4	4	Lê Thị Tuyết Anh	1984	8.00	T34	
5	5	Trần Thị Đào	1985	7.50	T35	
6	6	Nguyễn Tấn Đạt	1982	7.50	T36	
7	7	Trần Văn Điền	1967	7.50	T37	
8	8	Cao Văn Đủ	1985	6.00	T38	
9	9	Nguyễn Việt Dũng	1971	8.00	T39	
10	10	Trần Ngọc Giải	1983	8.00	T40	
11	11	Nguyễn Thị Ngọc Hà	1986	5.00	T41	
12	12	Hồ Minh Hải	1984	6.50	T42	
13	13	La Thị Thúy Hằng	1980	8.00	T43	
14	14	Nguyễn Kim Hằng	1981	7.00	T44	
15	15	Nguyễn Thanh Hào	1982	7.00	T45	
16	16	Trần Thị Ngọc Hòa	1974	7.50	T46	
17	17	Phạm Thị Hoàng	1983	6.00	T47	
18	18	Huỳnh Tuyền Khanh	1985	7.00	T48	
19	19	Nguyễn Hoàng Khoa	1984	6.00	T49	
20	20	Dương Chí Khuynh	1965	7.00	T50	
21	21	Lê Hữu Kiên	1985	7.50	T51	
22	22	Trần Thị Phương Lan	1987	7.50	T52	
23	23	Nguyễn Thành Lập	1980	7.00	T53	
24	24	Bùi Duy Lễ	1984	7.50	T54	
25	25	Lê Lý Hạ Liên	1978	8.50	T55	
26	26	Trần Nhật Linh	1979	7.00	T56	
27	27	Trần Vũ Linh	1984	6.50	T57	
28	28	Ngô Thị Kiều Loan	1986	7.50	T58	
29	29	Nguyễn Thị Kim Loan	1987	6.50	T59	
30	30	Phạm Hoàng Nam	1985	6.50	T60	
31	31	Trần Thị Kim Ngân	1977	6.50	T61	
32	32	Trần Văn Nghe	1966	7.50	T1	
33	33	Bùi Thanh Nghị	1985	7.00	T2	
34	34	Đào Thanh Ngọc	1987	7.50	T3	
35	35	Lâm Thị Ngọc	1983	7.50	T4	
36	36	Phạm Nguyễn Thảo Nguyên	1985	8.00	T5	

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
37	37	Bùi Tòng	Nguyễn	1979	8.00	T6	
38	38	Võ Thị Trúc	Pha	1988	6.50	T7	
39	39	Huỳnh Thị Mai	Phan	1984	7.50	T8	
40	40	Trần Quang	Phú	1981	7.50	T9	
41	41	Vanh Phi	Run	1975	7.50	T10	
42	42	Lê Hữu	Tâm	1977	7.50	T11	
43	43	Lương Thị Thanh	Tâm	1981	7.50	T12	
44	44	Lê Minh	Thà	1985	6.50	T13	
45	45	Ngô Đức	Thái	1972	7.00	T14	
46	46	Nguyễn Vinh	Thanh	1972	7.00	T15	
47	47	Nguyễn Phước	Thiện	1984	6.50	T16	
48	48	Nguyễn Thị	Thơ	1985	8.00	T17	
49	49	Võ Thị Ngọc	Thúy	1973	7.00	T18	
50	50	Nguyễn Thị Phương	Thùy	1979	7.00	T19	
51	51	Nguyễn Hồng Bảo	Trân	1983	7.00	T20	
52	52	Đỗ Đức	Trí	1971	6.00	T21	
53	53	Bùi Thị Thanh	Trúc	1979	8.00	T22	
54	54	Nguyễn Văn	Tuấn	1984	6.00	T23	
55	55	Lưu Minh	Tuấn	1982	6.50	T24	
56	56	Nguyễn Lễ Trường	Tường	1984	5.50	T25	
57	57	Đỗ Thị Tú	Vân	1973	8.50	T26	
58	58	Nguyễn Đình	Vũ	1976	7.50	T27	
59	59	Đoàn Xuân	Vũ	1972	5.00	T28	
60	60	Trần Văn	Vừa	1972	7.00	T29	
61	61	Lý Thị	Xinh	1970	8.00	T30	

* Tổng số bài thi: 61
- Số bài đạt: 61
- Số không đạt: 0

Giỏi 12
Khá 30
TB 19

THƯ KÝ



Nguyễn Hải Quân

K/T CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG




PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thành Nhân

An Giang, ngày 29 tháng 12 năm 2022

*

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH B150
KHỐI KIẾN THỨC II

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
1	1	Lê Phước An	1983	7.50	L31	
2	2	Trần Ngọc Phương Anh	1984	7.75	L32	
3	3	Nguyễn Kim Anh	1977	7.50	L33	
4	4	Lê Thị Tuyết Anh	1984	6.25	L34	
5	5	Trần Thị Đào	1985	7.75	L35	
6	6	Nguyễn Tấn Đạt	1982	8.00	L36	
7	7	Trần Văn Điền	1967	8.25	L37	
8	8	Cao Văn Dũng	1985	8.00	L38	
9	9	Nguyễn Việt Dũng	1971	7.75	L39	
10	10	Trần Ngọc Giải	1983	7.75	L40	
11	11	Nguyễn Thị Ngọc Hà	1986	7.00	L41	
12	12	Hồ Minh Hải	1984	7.00	L42	
13	13	La Thị Thúy Hằng	1980	7.50	L43	
14	14	Nguyễn Kim Hằng	1981	7.50	L44	
15	15	Nguyễn Thanh Hào	1982	7.50	L45	
16	16	Trần Thị Ngọc Hòa	1974	8.00	L46	
17	17	Phạm Thị Hoàng	1983	6.50	L47	
18	18	Huỳnh Tuyền Khanh	1985	7.50	L48	
19	19	Nguyễn Hoàng Khoa	1984	7.00	L49	
20	20	Dương Chí Khuynh	1965	7.00	L50	
21	21	Lê Hữu Kiên	1985	7.50	L51	
22	22	Trần Thị Phương Lan	1987	8.00	L52	
23	23	Nguyễn Thành Lập	1980	7.50	L53	
24	24	Bùi Duy Lễ	1984	7.00	L54	
25	25	Lê Lý Hạ Liên	1978	7.50	L55	
26	26	Trần Nhật Linh	1979	7.00	L56	
27	27	Trần Vũ Linh	1984	7.50	L57	
28	28	Ngô Thị Kiều Loan	1986	8.00	L58	
29	29	Nguyễn Thị Kim Loan	1987	7.25	L59	
30	30	Phạm Hoàng Nam	1985	7.75	L60	
31	31	Trần Thị Kim Ngân	1977	8.00	L61	
32	32	Trần Văn Nghe	1966	8.00	L1	
33	33	Bùi Thanh Nghị	1985	7.50	L2	
34	34	Đào Thanh Ngọc	1987	7.00	L3	
35	35	Lâm Thị Ngọc	1983	7.50	L4	
36	36	Phạm Nguyễn Thảo Nguyên	1985	8.00	L5	

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
37	37	Bùi Tông	Nguyên	1979	7.50	L6	
38	38	Võ Thị Trúc	Pha	1988	7.50	L7	
39	39	Huỳnh Thị Mai	Phan	1984	7.50	L8	
40	40	Trần Quang	Phú	1981	7.50	L9	
41	41	Vanh Phi	Run	1975	7.00	L10	
42	42	Lê Hữu	Tâm	1977	7.50	L11	
43	43	Lương Thị Thanh	Tâm	1981	7.00	L12	
44	44	Lê Minh	Thà	1985	7.00	L13	
45	45	Ngô Đức	Thái	1972	7.50	L14	
46	46	Nguyễn Vinh	Thanh	1972	7.50	L15	
47	47	Nguyễn Phước	Thiện	1984	6.50	L16	
48	48	Nguyễn Thị	Thơ	1985	8.00	L17	
49	49	Võ Thị Ngọc	Thúy	1973	7.75	L18	
50	50	Nguyễn Thị Phương	Thùy	1979	7.50	L19	
51	51	Nguyễn Hồng Bảo	Trân	1983	7.50	L20	
52	52	Đỗ Đức	Trí	1971	7.25	L21	
53	53	Bùi Thị Thanh	Trúc	1979	7.25	L22	
54	54	Nguyễn Văn	Tuấn	1984	6.50	L23	
55	55	Lưu Minh	Tuấn	1982	7.00	L24	
56	56	Nguyễn Lê Trường	Tường	1984	6.75	L25	
57	57	Đỗ Thị Tú	Vân	1973	7.00	L26	
58	58	Nguyễn Đình	Vũ	1976	7.25	L27	
59	59	Đoàn Xuân	Vũ	1972	7.25	L28	
60	60	Trần Văn	Vừa	1972	7.00	L29	
61	61	Lý Thị	Xinh	1970	7.75	L30	

* Tổng số bài thi:	61	Giỏi	10
- Số bài đạt:	61	Khá	44
- Số không đạt:	0	TB	7

THƯ KÝ

Nguyễn Hải Quân

K/T CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thành Nhân

TỈNH ỦY AN GIANG
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TÔN ĐỨC THẮNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

An Giang, ngày 29 tháng 12 năm 2022

*

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH B150
KHỐI KIẾN THỨC III

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
1	1	Lê Phước An	1983	8.00	V31	
2	2	Trần Ngọc Phương Anh	1984	8.50	V32	
3	3	Nguyễn Kim Anh	1977	8.00	V33	
4	4	Lê Thị Tuyết Anh	1984	7.50	V34	
5	5	Trần Thị Đào	1985	8.50	V35	
6	6	Nguyễn Tấn Đạt	1982	8.00	V36	
7	7	Trần Văn Điền	1967	7.00	V37	
8	8	Cao Văn Đủ	1985	6.00	V38	
9	9	Nguyễn Việt Dũng	1971	8.50	V39	
10	10	Trần Ngọc Giải	1983	8.50	V40	
11	11	Nguyễn Thị Ngọc Hà	1986	8.00	V41	
12	12	Hồ Minh Hải	1984	8.00	V42	
13	13	La Thị Thúy Hằng	1980	8.00	V43	
14	14	Nguyễn Kim Hằng	1981	5.50	V44	
15	15	Nguyễn Thanh Hào	1982	7.50	V45	
16	16	Trần Thị Ngọc Hòa	1974	8.00	V46	
17	17	Phạm Thị Hoàng	1983	5.50	V47	
18	18	Huỳnh Tuyền Khanh	1985	8.00	V48	
19	19	Nguyễn Hoàng Khoa	1984	7.75	V49	
20	20	Dương Chí Khuynh	1965	7.00	V50	
21	21	Lê Hữu Kiên	1985	7.50	V51	
22	22	Trần Thị Phương Lan	1987	8.00	V52	
23	23	Nguyễn Thành Lập	1980	7.75	V53	
24	24	Bùi Duy Lễ	1984	7.50	V54	
25	25	Lê Lý Hạ Liên	1978	7.00	V55	
26	26	Trần Nhật Linh	1979	8.00	V56	
27	27	Trần Vũ Linh	1984	8.00	V57	
28	28	Ngô Thị Kiều Loan	1986	8.00	V58	
29	29	Nguyễn Thị Kim Loan	1987	7.50	V59	
30	30	Phạm Hoàng Nam	1985	7.00	V60	
31	31	Trần Thị Kim Ngân	1977	7.25	V61	
32	32	Trần Văn Nghe	1966	7.00	V1	
33	33	Bùi Thanh Nghị	1985	7.50	V2	
34	34	Đào Thanh Ngọc	1987	7.50	V3	
35	35	Lâm Thị Ngọc	1983	8.00	V4	
36	36	Phạm Nguyễn Thảo Nguyên	1985	6.50	V5	

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
37	37	Bùi Tòng	Nguyên	1979	8.00	V6	
38	38	Võ Thị Trúc	Pha	1988	7.50	V7	
39	39	Huỳnh Thị Mai	Phan	1984	8.00	V8	
40	40	Trần Quang	Phú	1981	7.50	V9	
41	41	Vanh Phi	Run	1975	8.00	V10	
42	42	Lê Hữu	Tâm	1977	8.50	V11	
43	43	Lương Thị Thanh	Tâm	1981	6.50	V12	
44	44	Lê Minh	Thà	1985	7.50	V13	
45	45	Ngô Đức	Thái	1972	7.50	V14	
46	46	Nguyễn Vinh	Thanh	1972	6.00	V15	
47	47	Nguyễn Phước	Thiện	1984	6.00	V16	
48	48	Nguyễn Thị	Thơ	1985	8.00	V17	
49	49	Võ Thị Ngọc	Thúy	1973	8.00	V18	
50	50	Nguyễn Thị Phương	Thùy	1979	6.00	V19	
51	51	Nguyễn Hồng Bảo	Trân	1983	7.50	V20	
52	52	Đỗ Đức	Trí	1971	7.50	V21	
53	53	Bùi Thị Thanh	Trúc	1979	7.00	V22	
54	54	Nguyễn Văn	Tuấn	1984	8.00	V23	
55	55	Lưu Minh	Tuấn	1982	7.50	V24	
56	56	Nguyễn Lê Trường	Tường	1984	7.00	V25	
57	57	Đỗ Thị Tú	Vân	1973	7.00	V26	
58	58	Nguyễn Đình	Vũ	1976	8.00	V27	
59	59	Đoàn Xuân	Vũ	1972	8.00	V28	
60	60	Trần Văn	Vừa	1972	7.00	V29	
61	61	Lý Thị	Xinh	1970	8.50	V30	

* Tổng số bài thi:	61	Giỏi	25
- Số bài đạt:	61	Khá	26
- Số không đạt:	0	TB	10

THƯ KÝ



Nguyễn Hải Quân

**K/T CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**




Nguyễn Thành Nhân